

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÙ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày 24 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đình Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Tô Sỹ Thái và ông Bùi Đăng Ban.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: ông Đỗ Đức Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2024/TLST-HS ngày 01/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HS ngày 10/4/2024 đối với các bị cáo:

1. **Tăng Văn H**, sinh năm 1988 tại Hải Dương; nơi cư trú: thôn Đ, xã G, thành phố H7, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Văn H1 và bà Đoàn Thị L; có vợ là Phan Thị T1 và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 04/3/2014 Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù về Tội đánh bạc (chấp hành hình phạt xong ngày 29/8/2016); tạm giữ ngày 13/10/2023; tạm giam ngày 22/10/2023; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

2. **Phạm Văn T**, sinh năm 1998 tại Hải Dương; nơi cư trú: thôn Đ, xã G, thành phố H7, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha đẻ không xác định và con bà Phan Thị M; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ ngày 13/10/2023; tạm giam ngày 22/10/2023; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

3. **Lê Hồng A**, sinh năm 1989 tại Hưng Yên; nơi cư trú: thôn T2, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng T3 và bà Bùi Thị H2; có vợ là Vũ Thị Hồng N; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 06/10/2015 Công an huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên xử

phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và ngày 27/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xử phạt 24 tháng tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy (chấp hành hình phạt xong ngày 04/11/2019); tạm giữ ngày 13/10/2023; tạm giam ngày 22/10/2023; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

4. **Nguyễn Thị Phương A**, sinh ngày 08/02/2002 tại xã C, T4, Hải Dương; nơi cư trú: thôn H3, xã C, huyện T4, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T5 và bà Vũ Thị H4; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 20/5/2022 bị Công an xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tạm giữ từ ngày 13/10/2023 đến ngày 20/10/2023 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú “có mặt”.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1993;
Trú tại: thôn T6, xã L2, thành phố H7, tỉnh Hải Dương “vắng mặt”.
2. Anh Tô Đình H5, sinh năm 1996;
Trú tại: thôn Đ1, xã T7, huyện T8, tỉnh Thái Bình “vắng mặt”.
3. Chị Hứa Thị T9, sinh ngày 27/11/2007;
Trú tại: thôn V, xã Y, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang “vắng mặt”.
4. Anh Tăng Xuân Đ2, sinh năm 1997;
Trú tại: thôn T10, xã G, thành phố H7, tỉnh Hải Dương “vắng mặt”.
5. Chị Dương Thị H6, sinh năm 1982;
Trú tại: thôn C2, thị trấn T11, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.
6. Anh Tăng Văn M1, sinh năm 1998;
Trú tại: thôn Đ, xã G, thành phố H7, tỉnh Hải Dương “vắng mặt”.
7. Anh Tăng Văn T12, sinh năm 1996;
Trú tại: thôn Đ, xã G, thành phố H7, tỉnh Hải Dương “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 13/10/2023, tổ công tác Công an huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên phối hợp cùng Công an thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ tiến hành kiểm tra hành chính tại phòng số 203, quán Karaoke Đ3 ở thôn C2, thị trấn T11, huyện P, tỉnh Hưng Yên phát hiện trong phòng có 06 đối tượng đang có biểu hiện sử dụng ma túy, gồm: Phạm Văn T, sinh năm 1998 và Tăng Văn H, sinh năm 1988 đều trú tại: thôn Đ, xã G, thành phố H7, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Thị Phương A1, sinh năm 2002 trú tại: thôn H3, xã C, huyện T4, tỉnh Hải Dương; Tô Đình H5, sinh năm 1996 trú tại: thôn Đ1, xã T7, huyện T8, tỉnh Thái Bình; Lê Hồng A, sinh năm 1989 trú tại: thôn T2, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên

và Nguyễn Văn L1, sinh năm 1993 trú tại: thôn T6, xã L2, thành phố H7, tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình tổ công tác lập biên bản thì đối tượng tự khai là Hứa Ngọc T13, sinh năm 2004 (kết quả điều tra xác định họ, tên thật là Hứa Thị T9, sinh ngày 27/11/2007) trú tại: thôn V, xã Y, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang đến trình diện và khai nhận: trước khi lực lượng Công an đến kiểm tra thì T13 (T9) đã làm nhân viên phục vụ tại phòng hát số 203. Khi bị kiểm tra các đối tượng trên đều khai nhận vừa sử dụng chất ma túy dạng kẹo và ke tại phòng hát. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ, niêm phong vật chứng, đưa các đối tượng về trụ sở cơ quan làm việc.

Tại phiếu xét nghiệm nước tiểu của Trung tâm y tế huyện Phù Cù thực hiện thể hiện: Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị Phương A1, Hứa Ngọc T13 (T9), Lê Hồng A, Phạm Văn T, Tăng Văn H, Tô Đình H5 đều dương tính với ma túy loại Amphetamine và Methamphetamine; Tăng Xuân Đ2 âm tính với ma túy.

Ngày 13/10/2023 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Cù đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Tăng Văn H, Phạm Văn T tại thôn Đ, xã G, thành phố H7, tỉnh Hải Dương; kết quả không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì có liên quan vụ án.

Tại Kết luận giám định số: 548/KL-KTHS(MT) ngày 16/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận:

- Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng trên mặt chiếc đĩa trong niêm phong ghi ký hiệu M1, có khối lượng là: 0,130 gam là ma túy, loại Ketamine.
- Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng bám dính trên mặt chiếc thẻ ATM và bên trong ống hút trong niêm phong ghi ký hiệu M1, không xác định được khối lượng, là ma túy, loại Ketamine.
- Mẫu chất dạng viên nén màu nâu trong niêm phong ghi ký hiệu M2, có tổng khối lượng là 0,713 gam, là ma túy, loại MDMA.

Hoàn lại đối tượng giám định trong một niêm phong ghi số: 548/KL-KTHS(MT) chứa: 0,123 gam ma túy loại Ketamine trong niêm phong ghi ký hiệu M1; 0,652 gam ma túy loại MDMA trong niêm phong ghi ký hiệu M2; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng; 01 chiếc thẻ ATM mang tên “TANG VAN H”, 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cố định bằng hai vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 bao thuốc lá 555; hai vỏ túi nilon và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

Kết quả điều tra xác định: khoảng 19 giờ ngày 12/10/2023, H, H5, L1 và Tăng Xuân Đ2 sinh năm 1997 trú tại thôn T10, xã G, thành phố H7, tỉnh Hải Dương cùng ăn cơm, uống rượu tại nhà bố vợ của L1 và Đ2 tại xã G, thành phố H7, tỉnh Hải Dương. Sau khi ăn uống xong, cả nhóm thống nhất đi hát Karaoke có nhân viên phục vụ để giải trí. H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Thaco màu sơn xanh biển số 34C-332.40 của Đ2 để chở Đ2, L1, H5 đi tìm quán hát. Cả nhóm đều không ai có tiền mặt, Đ2 nói có hơn 4 triệu đồng trong tài khoản, nên mọi người thống nhất để Đ2 trả tiền sau đó hết bao nhiêu chia đều. Do đã uống rượu nên sau khi thống nhất chia tiền hát thì Đ2, L1 và H5 đều nằm ngủ. Trên đường đi, H gọi điện thoại cho A nói có tỳ “đồ” và nhờ A đặt phòng hát cho H và các

bạn của H sang chơi. A hiểu ý là chuẩn bị phòng hát cho nhóm của H sử dụng ma túy. Lúc này, A đang ở phòng hát số 103 của quán Karaoke Đ3 cùng với Phương A1 và một số người bạn của A. Sau khi nghe điện của H thì A đi xuống gặp chủ quán Karaoke Đ3 là chị Dương Thị H6, sinh năm 1982 ở thôn C2, thị trấn T11, huyện P để đặt phòng hát số 203 cho H.

H tiếp tục gọi điện cho T rủ đi hát cùng thì T đồng ý. H bảo T đi mua 06 viên ma túy kẹo và 02 túi ke để tý nữa sử dụng. Sau đó, H gọi và bảo Đ2 chuyển số tiền 4.000.000 đồng vào tài khoản của T. Đ2 tưởng là chuyển tiền phòng hát và tiền nhân viên phục vụ nên đồng ý. Sau khi nhận được tiền, T mượn xe mô tô của anh Tăng Văn T12 sinh năm 1996 ở cùng thôn rồi đi sang khu vực cầu Phú Tảo, thuộc địa phận phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tìm mua được 06 viên ma túy MDMA (ma túy dạng kẹo) và 01 túi ma túy Ketamine (ma túy ke) của một người lạ mặt (không rõ tên, tuổi, địa chỉ). T đi về nhà anh Tăng Văn M1, sinh năm 1998 ở thôn Đ, xã G, thành phố H7 để đợi H đón.

H điều khiển xe chở cả nhóm đi đến đoạn đường gần cổng làng thôn Đ, xã G, thành phố H7, tỉnh Hải Dương thì dừng xe để H5 và L1 xuống xe đi vệ sinh. H đổi lái cho Đ2 điều khiển xe và bảo Đ2 cùng H đi đón T, còn H5 và L1 đứng đợi. Khi đi đến nơi đón T thì Đ2 và H cùng xuống xe đợi T. Sau đó H lên xe trước thì T đi theo sau đưa số ma túy vừa mua được cho H. Đ2 lên xe chở H, T quay lại đón L1 và H5, rồi tất cả cùng đi đến quán hát Karaoke Đ3. Khi đến quán hát, cả nhóm vào phòng hát số 103 cùng A và Phương A1. A bảo Phương A1 đi chuẩn bị một đĩa sứ mang lên phòng 203 để xào ke, Phương A1 hiểu ý lấy đĩa để cho mọi người sử dụng ma túy. Phương A1 đi ra sau quầy thu ngân (khu vực để bát đĩa) lấy một chiếc đĩa sứ màu trắng giấu vào trong áo và mang lên đặt tại bàn để đồ trong phòng hát số 203. Sau đó, Phương A1 quay lại phòng hát số 103 cùng nhóm của H. Nhóm của H hát một lúc rồi đi lên phòng hát số 203, A bảo Phương A1 đi lên cùng nhóm của H rồi gọi thêm T13 (T9) lên phòng 203.

Tại phòng hát 203, H tự lấy 01 viên ma túy “kẹo” rồi đưa cho L1, A mỗi người 01 viên ma túy “kẹo”. Cả ba đều sử dụng ma túy “kẹo” bằng hình thức uống. H để gói ma túy “kẹo” xuống bàn trong phòng hát cho mọi người cùng sử dụng. H5 thấy gói ma túy “kẹo” nên cũng lấy 01 viên và sử dụng bằng hình thức uống. Một lúc sau, H đưa gói ma túy “kẹo” (còn lại 02 viên), 01 gói nilon bên trong có 02 gói nilon nhỏ chứa ma túy “ke” cho T và bảo T chia cho mọi người. T bẻ và đưa cho T13 (T9) một nửa viên ma túy “kẹo” để sử dụng. Tuy nhiên, T9 chỉ cần một phần của nửa viên ma túy “kẹo”, phần còn lại của nửa viên ma túy “kẹo” T9 đưa lại cho T để T sử dụng, số ma túy “kẹo” còn lại T cất vào túi quần bên trái. Sau đó, T đổ số ma túy ke vào đĩa sứ do Phương A1 chuẩn bị trước đó rồi bảo H đưa T mượn thẻ ATM để xào ke. H đưa cho T thẻ ATM bằng nhựa của ngân hàng Techcombank mang tên TANG VAN H. T cầm theo đĩa ma túy “ke”, thẻ ATM của H và bật lửa có sẵn trong phòng hát rồi đi vào nhà vệ sinh để “xào ke”. Cụ thể, T đổ ma túy “ke” từ 02 gói nilon ra đĩa sứ rồi dùng bật lửa hơi nóng dưới đáy đĩa sứ chứa ma túy, rồi tiếp đến dùng thẻ ATM đảo ma túy “ke” cho ma túy nóng đều. Sau khi đã “xào ke” xong, T kẻ chia ma túy trên đĩa thành

nhieu đường nhỏ để cho mọi người dễ sử dụng (T không nhớ rõ chia cụ thể thành bao nhiêu đường) nhưng vẫn còn thừa ma túy ke chưa chia. Tiếp đến, T cầm đĩa ma túy nêu trên ra đặt trên mặt bàn, rồi dùng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng của T để quấn tròn làm thành ống hút hai đầu cố định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá. Sau đó, T mang đĩa sứ chứa ma túy “ke” và ống hút mời L1, H5 sử dụng. Tiếp đến, T lại tiếp tục kẻ thêm nhiều đường ma túy nhỏ, rồi các đối tượng gồm: A, H, Phương A1 và T13 (T9) thay nhau sử dụng ma túy “ke”, còn Đ2 không sử dụng ma túy mà chỉ hát cùng mọi người. Sau đó, T kẻ tiếp thêm 02 đường ma túy ke trên đĩa rồi sử dụng. Lúc này trên đĩa còn một ít ma túy ke do chưa sử dụng hết. Một lúc sau thì T13 (T9) và Đ2 bỏ về trước. Đến khoảng 0 giờ 30 phút ngày 13/10/2023, khi cả nhóm đang ở trong phòng hát số 203 của quán Karaoke Đ3 tại thôn C2, thị trấn T11, huyện P thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ

- Khám xét phòng 203 quán Karaoke Đ3:
 - + Thu tại bàn cạnh cửa lối vào nhà vệ sinh: 01 đĩa sứ màu trắng trên mặt đĩa có chất dạng bột màu trắng; 01 thẻ ATM ngân hàng Techcombank; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được quấn tròn và cố định hai đầu bằng vỏ đầu lọc thuốc lá; niêm phong trong túi nilon ký hiệu M1. Các bị can khai nhận đây là công cụ để sử dụng ma túy.
 - + Thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của Phạm Văn T 01 túi nilon kích thước (4 x 5)cm bên trong chứa chất dạng cục màu nâu, gói nilon trên được gấp đôi và cài vào vỏ ngoài mặt sau của bao thuốc lá 555; niêm phong trong phong bì thư ký hiệu M2.
 - Nguyễn Thị Phương A1 giao nộp 01 điện thoại di động iphone Xs Max màu vàng đã qua sử dụng, niêm phong ký hiệu Đ4.
 - Tăng Văn H giao nộp 01 điện thoại di động iphone SE màu trắng đen đã qua sử dụng, niêm phong ký hiệu Đ1.
 - Lê Hồng A giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone X màu trắng đã qua sử dụng, niêm phong ký hiệu Đ3.
 - Phạm Văn T giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone Xs màu vàng đã qua sử dụng, niêm phong ký hiệu Đ2.
 - Mẫu vật hoàn lại sau giám định được niêm phong ghi số: 548/KL-KTHS(MT).

Tất cả các vật chứng trên hiện đang được quản lý tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ.

Một số nội dung khác:

- Đối với việc các bị can sử dụng dịch vụ hát Karaoke và các đồ dùng khác tại quán Đ3 vào đêm ngày 12/10/2023, chị Dương Thị H6 chủ quán không yêu cầu, đề nghị gì đối với các bị can nên xem xét, giải quyết.
- Đối với chiếc đĩa sứ, bật lửa mà các đối tượng sử dụng ngày 12/10/2023, kết quả điều tra xác định các đồ vật trên là của quán Karaoke Đ3, chị H6 không biết các đối tượng dùng để sử dụng trái phép chất ma túy và không yêu cầu, đề nghị nhận lại các đồ vật này.

- Đối với số tiền 4.000.000 đồng mà anh Tăng Xuân Đ2 đã chuyển cho T, anh Đ2 không yêu cầu, đề nghị giải quyết.

- Đối với chị Dương Thị H6 là chủ quán Karaoke Đ3 cho thuê phòng hát số 203 ngày 12/10/2023, chị H6 không biết việc các đối tượng sử dụng ma túy, nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với chị H6.

- Đối với anh Tăng Văn T12 cho Phạm Văn T mượn xe mô tô ngày 12/10/2023, anh T12 không biết việc T sử dụng xe mô tô để đi mua ma túy, nên không có căn cứ xem xét, xử lý anh T12.

- Đối với người đã bán ma túy cho T, do T không biết thông tin, lai lịch của người này, nên cơ quan điều tra không có đủ thông tin để xác minh, xử lý.

- Đối với anh Tăng Xuân Đ2 và Nguyễn Văn L3, Tô Đình H5, kết quả điều tra đã xác định: sau khi uống rượu các đối tượng rủ nhau đi hát Karaoke có nhân viên phục vụ để giải trí chứ không bàn bạc gì về việc sẽ đi mua ma túy để sử dụng và chia tiền mua ma túy. Khi H yêu cầu anh Đ2 chuyển tiền thì H đọc số tài khoản, không nói là chuyển tiền cho ai với mục đích mua ma túy sử dụng. Do vậy không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Đ2, L3 và H5.

Tại thời điểm ngày 20/10/2023, cơ quan điều tra phối hợp cùng cơ sở y tế kiểm tra, xét nghiệm, xác định Nguyễn Thị Phương A1 có thai. Tuy nhiên, việc Phương A1 có thai trong quá trình tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thì bản thân Phương A1 và các bị can khác đều không biết, nên các bị can H, T và A không bị áp dụng tình tiết định khung là phạm tội đối với phụ nữ mà biết là có thai.

Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đêm 12 sang ngày 13/10/2023 của các đối tượng: Tăng Văn H, Phạm Văn T, Lê Hồng A, Nguyễn Thị Phương A1, Hứa Thị T9 (T13), Nguyễn Văn L1 và Tô Đình H5 đã bị Công an huyện Phù Cừ ra Quyết định xử phạt hành chính bằng tiền là đúng quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số: 12/CT-VKSPC ngày 29/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên truy tố Tăng Văn H, Lê Hồng A và Nguyễn Thị Phương A1 về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Văn T về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên luận tội, phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo H, A, A1 và T theo nội dung bản cáo trạng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự chung đối với các bị cáo H, T, A, A1; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự riêng đối với bị cáo T. Áp dụng Điều 17 và Điều 58 chung cho 4 bị cáo trong Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự chung cho 4 bị cáo (T cho cả 02 tội); áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo A, T (cả 2 tội) và áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo A1.

Xử phạt bị cáo Tăng Văn H từ 08 năm 09 tháng tù đến 09 năm 03 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Lê Hồng A từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương A1 từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù, được trừ 08 ngày bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 13/10/2023 đến ngày 20/10/2023).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hợp hai tội buộc bị cáo T phải chịu hình phạt chung từ 09 năm 09 tháng tù đến 10 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với cả 4 bị cáo.

Biện pháp tư pháp: căn cứ vào: điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tịch thu 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo Tăng Văn H, Phạm Văn T và Lê Hồng A dùng vào việc phạm tội, cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Phương A1 01 điện thoại đã thu giữ không liên quan tội phạm.

- Tịch thu 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được quán tròn, hai đầu có định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá (tờ tiền này có trong niêm phong ghi số: 548/KL-KTHS(MT) do cơ quan giám định hoàn lại), cho sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu toàn bộ chất ma túy loại Ketamine, loại MDMA; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng; 01 chiếc thẻ ATM mang tên TANG VAN HIEN; 01 bao thuốc lá 555; 02 vỏ túi nilon và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định, được chứa trong một niêm phong ghi số: 548/KL-KTHS(MT) do cơ quan giám định hoàn lại, cho tiêu hủy.

Các bị cáo H, T, A và A1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Tăng Văn H, Phạm Văn T, Lê Hồng A và Nguyễn Thị Phương A1 đều nhận tội, khai báo thành khẩn diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với hành vi của các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ truy tố theo nội dung cáo trạng. Tại phiên tòa các bị cáo H, T, A và A1 đã nhận thức rõ sai phạm của bản thân, đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để phạt các bị cáo mức án thấp nhất, tạo điều kiện cho các bị cáo phấn đấu cải tạo tốt, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Cừ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng, đầy đủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của Tăng Văn H, Phạm Văn T, Lê Hồng A, Nguyễn Phương A1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trước cơ quan điều tra và phù hợp với nhau; đồng thời phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ là: các đồ vật thu giữ trong phòng số 203 của quán Karaoke Đ3 khi kiểm tra bắt quả tang gồm: ma túy dạng kẹo thu trong người T, ma túy dạng ke thu trên đĩa sứ, thẻ ATM nhựa mang tên TANG VAN H, tờ tiền 20.000 đồng quán tròn hai đầu cổ định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá là công cụ, phương tiện để sử dụng trái phép chất ma túy; phiếu xét nghiệm nước tiểu của Trung tâm y tế huyện Phù Cừ xác định: Tăng Văn H, Phạm Văn T, Lê Hồng A, Nguyễn Thị Phương A1, Hứa Thị T9 (T13), Nguyễn Văn L1 và Tô Đình H5 đều dương tính với ma túy loại Amphetamine và Methamphetamine; lời khai của các người làm chứng và cũng chính là những người được các bị cáo cho sử dụng chất ma túy như: Nguyễn Văn L3, Tô Đình H5, Hứa Thị T9 (T13) và các người làm chứng khác là các anh, chị: Tăng Văn T12, Tăng Văn M1, Tăng Văn Đ2, Dương Thị H6; kết luận giám định số: 548/KL-KTHS(MT) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: chất dạng tinh thể màu trắng trên mặt đĩa sứ trong niêm phong ký hiệu M1 có khối lượng 0,130 gam là ma túy, loại Ketamine; chất tinh thể màu trắng bám dính trên mặt thẻ ATM nhựa, ống hút (tờ tiền 20.000 đồng quán tròn) trong niêm phong ký hiệu M1 không xác định được khối lượng, là ma túy loại Ketamine; mẫu chất dạng viên nén màu nâu trong niêm phong ghi ký hiệu M2 (thu của T) có khối lượng 0,713 gam là ma túy, loại MDMA; cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ 37 phút ngày 12/10/2023 đến 0 giờ 30 phút ngày 13/10/2023, tại phòng hát số 203 quán Karaoke Đ3 ở thôn C2, thị trấn T11, huyện P, tỉnh Hưng Yên; các bị cáo Tăng Văn H, Phạm Văn T, Lê Hồng A và Nguyễn Thị Phương A1 đã có hành vi tổ chức đưa trái phép chất ma túy loại Ketamine và MDMA vào cơ thể của người khác gồm: chính bản thân 04 bị cáo và 03 người khác là: Nguyễn Văn L1, Tô Đình H5 và Hứa Thị T9 (T13) thì bị Công an huyện Phù Cừ kiểm tra, phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng là chất ma túy Ketamine, MDMA và các đồ vật là công cụ để thực hiện đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác. Ngoài hành vi đồng phạm trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo Phạm Văn T còn đang có hành vi cất giấu trái phép trong người 0,713 gam ma túy, loại MDMA nhằm mục đích sử dụng và tránh bị Công an thu giữ nhưng đã bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng. Các bị cáo Tăng Văn H, Phạm Văn T, Lê Hồng A và Nguyễn Thị Phương A1 đã cùng nhau bàn bạc, tiếp nhận ý trí của nhau đề thống nhất, phân công mỗi người một việc như chuẩn bị ma túy, chuẩn bị địa điểm, phân chia ma túy cho người khác sử dụng để đưa chất ma túy vào cơ thể

con người và bị cáo T còn cất giấu trái phép chất ma túy trong người để sử dụng và tránh bị Công an kiểm tra phát hiện nhưng đã bị công an huyện Phù Cừ phát hiện bắt quả tang. Các bị cáo Tăng Văn H, Phạm Văn T, Lê Hồng A và Nguyễn Thị Phương A1 đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi cụ thể của các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ truy tố trong Cáo trạng và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đã có đủ dấu hiệu cấu thành Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tội phạm được quy định tại Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo H, T, A, A1 đã tổ chức cho 07 người sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó có Hứa Thị T9 (T13) sinh ngày 27/11/2007, tại thời điểm ngày 12/10/2023 được các bị cáo tổ chức cho sử dụng trái phép chất ma túy thì T9 mới 15 tuổi 10 tháng 15 ngày; nên các bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt là: “Đối với 02 người trở lên” và “Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi”. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo Tăng Văn H, Phạm Văn T, Lê Hồng A và Nguyễn Thị Phương A1 về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Phạm Văn T về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là chính xác, có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Tăng Văn H, Phạm Văn T, Lê Hồng A và Nguyễn Thị Phương A1 là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với chất ma túy và các chất gây nghiện. Bản thân các bị cáo đều là người đã sử dụng chất ma túy, biết rõ tác hại của ma túy đối với sức khỏe, trí tuệ của con người, gây thiệt hại về kinh tế và là một trong các nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm khác. Các bị cáo đều còn trẻ tuổi nhưng không chịu phấn đấu, tu dưỡng rèn luyện để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, nhưng do ham chơi dẫn đến phạm tội, thể hiện sự coi thường tính nghiêm minh của pháp luật. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, áp dụng cho các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội các bị cáo gây ra và cần cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian cần thiết để trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Đánh giá vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án thì thấy:

- Tăng Văn H là người khởi xướng, cầm đầu việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, phân công Phạm Văn T đi tìm mua ma túy để sử dụng; phân công Lê Hồng A chuẩn bị địa điểm phòng hát để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; là người cung cấp thẻ ATM nhựa để làm công cụ sử dụng ma túy và trực tiếp chia ma túy cho người khác sử dụng, nên bị cáo H giữ vai trò chính cao nhất và phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác trong tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Bị cáo Phạm Văn T là người tiếp nhận ý chí của bị cáo H, trực tiếp đi tìm mua ma túy, tích cực thực hiện các hành vi để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác như: chia ma túy kẹo cho T9 sử dụng, xào ke, chia ke bỏ tờ tiền

quần ống hút ma túy và bê đĩa ke cho cả nhóm hít vào cơ thể, nên bị cáo T có vai trò thứ hai thấp hơn H nhưng cao hơn các bị cáo còn lại khác, nên T phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo H trong Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; phải chịu hình phạt độc lập về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và tổng hợp hình phạt của 02 tội theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Lê Hồng A là người tiếp nhận sự phân công của bị cáo H để thuê phòng hát chuẩn bị địa điểm cho cả nhóm sử dụng trái phép chất ma túy và A cũng là người phân công Phương A1 chuẩn bị 01 chiếc đĩa sứ để làm công cụ xào ke, chia ke cho mọi người sử dụng trái phép chất ma túy, nên bị cáo A có vai trò thứ 3 thấp hơn H, T nhưng cao hơn Phương A1; do đó bị cáo A phải chịu mức hình phạt cao hơn Phương A1 và thấp hơn H và T.

- Nguyễn Thị Phương A1 tuy là nhân viên phục vụ phòng hát, khi được A yêu cầu và phân công đi lấy đĩa sứ để làm công cụ sử dụng chất ma túy thì bị cáo đồng tình và thực hiện ngay; bị cáo A1 là người đã sử dụng chất ma túy, biết rõ việc lấy đĩa sứ dùng để xào ma túy ke để cho nhóm bạn của A sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng bị cáo vẫn đồng tình thực hiện. Tuy nhiên, có xét bị cáo là nhân viên phục vụ, phải làm công việc khi khách hàng yêu cầu, nên bị cáo là người thực hiện tội phạm mang tính bị động và vai trò thấp hơn các bị cáo thực hiện tội phạm có tính chủ động. Vì vậy, vai trò của bị cáo A1 trong vụ án thấp hơn các bị cáo trên, nên phải chịu mức hình phạt thấp hơn các bị cáo trên.

[4]. Về hình phạt bổ sung: xét cả 4 bị cáo đều có điều kiện khó khăn, phạm tội không có tính chất vụ lợi, không có tài sản, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[5]. Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo Tăng Văn H, Phạm Văn T, Lê Hồng A và Nguyễn Thị Phương A1 đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo phạm tội bị bắt quả tang, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn. Đối với: bị cáo T có mẹ đẻ là Thanh niên xung phong làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, Lào và được BCH TW Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng kỷ niệm chương; bị cáo A có điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố tàn tật (cụt chân), mẹ ốm đau, gia đình có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận. Do vậy, các bị cáo H, A1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo T và A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (T áp dụng cho cả 2 tội); để giảm một phần hình phạt cho mỗi bị cáo thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật

[7]. Biện pháp tư pháp:

- Đối với 03 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo Tăng Văn H, Phạm Văn T và Lê Hồng A, kết quả điều tra xác định các bị cáo trên đều dùng điện thoại bị thu giữ vào việc liên hệ với nhau để thực hiện tội phạm, nên cần tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

- 01 chiếc điện thoại di động iphone Xs Max màu vàng đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Phương A1, kết quả điều tra không có căn cứ chứng minh liên quan tội phạm, nên giao trả lại cho bị cáo A1.

- 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được quần tròn, hai đầu cố định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá có trong niêm phong ghi số: 548/KL-KTHS(MT) do cơ quan giám định hoàn lại, cho tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Toàn bộ các chất ma túy loại: Ketamine, MDMA; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng; 01 chiếc thẻ ATM mang tên TANG VAN H; 01 bao thuốc lá 555; 02 vỏ túi nilon và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định, được chứa trong một niêm phong ghi số: 548/KL-KTHS(MT) do cơ quan giám định hoàn lại, là chất Nhà nước cấm và đồ vật không có giá trị, nên tịch thu cho tiêu hủy.

[8]. Về án phí: các bị cáo Tăng Văn H, Phạm Văn T, Lê Hồng A và Nguyễn Thị Phương A1 là người bị kết án, nên đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 (bị cáo Thiện cho cả 02 tội); Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự chung đối với các bị cáo: Tăng Văn H, Phạm Văn T, Lê Hồng A và Nguyễn Thị Phương A1.

- Điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 51 (cả 2 tội); điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với riêng bị cáo Phạm Văn T.

- Thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Hồng A.

- Thêm khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương A1.

Tuyên bố: - Các bị cáo Tăng Văn H, Lê Hồng A, Nguyễn Thị Phương A1 phạm Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Bị cáo Phạm Văn T phạm Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

- **Xử phạt** bị cáo Tăng Văn H 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 13/10/2023.

- **Xử phạt** bị cáo Phạm Văn T 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hợp 02 tội buộc bị cáo phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 13/10/2023.

- **Xử phạt** bị cáo Lê Hồng A 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 13/10/2023.

- **Xử phạt** bị cáo Nguyễn Thị Phương A1 07 (bảy) năm tù, được trừ 08 (tám) ngày đã bị tạm giữ (từ ngày 13/10/2023 đến ngày 20/10/2023), còn phải

chấp hành hình phạt là 06 (sáu) năm 11 (mười một) tháng 22 (hai mươi hai) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

Biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào: điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tịch thu: 01 điện thoại di động iphone SE màu trắng đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Tăng Văn H trong niêm phong ký hiệu Đ1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone Xs màu vàng đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Phạm Văn T trong niêm phong ký hiệu Đ2 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone X màu trắng đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lê Hồng A được niêm phong ký hiệu Đ3, cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Phương A1 01 điện thoại di động iphone Xs Max màu vàng đã qua sử dụng được niêm phong ký hiệu Đ4.

- Tịch thu 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được quán tròn, hai đầu có định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá (tờ tiền này có trong niêm phong ghi số: 548/KL-KTHS(MT) do cơ quan giám định hoàn lại, cho sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu toàn bộ các chất ma túy, loại: Ketamine, MDMA; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng; 01 chiếc thẻ ATM mang tên TANG VAN HIEN; 01 bao thuốc lá 555; 02 vỏ túi nilon và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định, được chứa trong một niêm phong ghi số: 548/KL-KTHS(MT) do cơ quan giám định hoàn lại, cho tiêu hủy.

(Chi tiết về số lượng, chất lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng được mô tả cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2024 giữa Công an huyện Phù Cừ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ).

Án phí: các bị cáo Tăng Văn H, Lê Hồng A, Phạm Văn T và Nguyễn Thị Phương A1, mỗi người phải chịu 200.000đ, (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm xét xử công khai có mặt các bị cáo, đã báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo: H, T, A, A1;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Phù Cừ;
- CQĐT & VP CA huyện Phù Cừ;
- Cơ quan THA hình sự & THA dân sự huyện Phù Cừ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hiền

